

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2018/DS-PT

Ngày: 18/7/2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Ông Trần Phước Hội

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trãi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 tháng 7 và 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS - ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện HN bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174/2018/QĐ – PT ngày 13/6/2018 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 239/2018/QĐPT-DS ngày 11/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp PT, xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh T, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp PL, xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2017. Đến ngày 18/7/2018 L có Thông báo gửi cho Tòa án tỉnh Đồng Tháp về việc chấm dứt việc ủy quyền với anh T.

2. Bị đơn: 2.1. Anh N, sinh năm 1985;

2.2. Chị H, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: ấp PT, xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: chị L là nguyên đơn trong vụ án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh T trình bày: L có cho vợ chồng anh N và H mượn số tiền là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), không có tính lãi, có làm biên nhận nợ, hai vợ chồng chị H cùng nhận tiền, chị H đại diện ký tên vào biên nhận nợ.

Ngoài ra chị H và anh N còn tham gia 04 dây hụi do chị L làm chủ hụi, chị H đã hốt hụi và còn nợ tiền hụi chết đến tháng 10/2017 (âl) là 11.000.000 đồng.

Số tiền vay và tiền hụi đã hốt được chị H và anh N sử dụng cho việc sửa nhà, mua máy móc phục vụ hoạt động sản xuất, mua xe làm phương tiện đi lại, mua đồ sinh hoạt gia đình và đi học.

Do đó, chị L yêu cầu anh N và chị H liên đới trả số tiền tiền vay và hụi chết tính đến tháng 10/2017 (âl) tổng cộng là 141.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, chị H trình bày: Chị thừa nhận có vay tiền của chị L 130.000.000 đồng và còn nợ tiền hụi chết tính đến tháng 10/2017 (âl) 11.000.000 đồng, tổng cộng là 141.000.000 đồng. Vay tiền có làm biên nhận nợ, lãi suất vay 6%/tháng nhưng không ghi vào hợp đồng. Chị vay tiền và giao dịch hụi với chị L để làm ăn riêng, không nói cho chồng chị là anh N biết. Chị cũng có nói với chị L là giấu chồng chị, chị L cũng đồng ý. Trong thời gian vay tiền và chơi hụi, chị góp hụi và trả lãi cho chị L đầy đủ, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vừa qua, vợ chồng chị có cãi nhau nên chị L có kể việc chị nợ tiền cho anh N nghe, làm mâu thuẫn vợ chồng chị càng trầm trọng. Nay chị H đồng ý trả số tiền vay và tiền hụi chết tổng cộng 141.000.000 đồng cho chị L. Khoản nợ này do một mình chị trả vì chồng chị không liên quan đến nên chị không yêu cầu anh N cùng liên đới trả nợ với chị.

Bị đơn, anh N trình bày: Anh là chồng của chị H. Vào ngày 22/11/2017, vợ chồng anh cãi nhau, vợ anh bỏ đi đến nay không có gặp mặt nhau. Đến ngày 26/11/2017, chị L mới thông báo cho anh biết vợ anh vay tiền và nợ tiền hụi. Số tiền vay và hụi vợ anh nợ chị L anh không biết. Khi vay tiền vợ anh đứng ra vay và làm biên nhận nợ anh không biết. Việc vợ anh tham gia hụi, lĩnh hụi và dùng số tiền trên vào mục đích gì anh cũng không biết. Anh là nhân viên y tế của Trường Trung học cơ sở PT, có lương hàng tháng. Ngoài ra, anh có vay tiền của

hai ngân hàng BIDV và Sacombank để làm vốn mở tiệm thuốc tây, hoàn toàn không có lấy nguồn vốn từ vợ. Khi sự việc xảy ra chị L có đến nơi anh làm việc dùng những lời lẽ xúc phạm anh làm ảnh hưởng danh dự và công việc của anh. Nay chị L yêu cầu anh cùng vợ anh có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay và tiền hụi còn nợ tổng cộng 141.000.000 đồng, anh không đồng ý, vì anh không liên quan đến số nợ này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L.

1.1. Buộc chị H trả cho chị L số tiền vay còn nợ 130.000.000 đồng và tiền hụi 11.000.000 đồng, tổng cộng 141.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của chị L yêu cầu anh N cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

2. Về án phí:

2.1. Buộc chị H chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.050.000 đồng (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

2.2. Chị L chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.525.000 đồng, theo biên lai thu số 14543 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, được nhận lại 3.225.000 đồng (Ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/3/2018, chị L là nguyên đơn, kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN, yêu cầu anh N và chị H liên đới trả số tiền vay và hụi chết là 141.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Nguyên đơn chị L trình bày: Số tiền vay và hụi chết tính đến tháng 10/2017 (âl) mà chị L2 còn nợ 141.000.000 đồng là số nợ trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh N được sử dụng vào mục đích kinh tế chung trong gia đình nên anh N phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ này cùng với chị H như chị đã trình bày ở phần trên.

Bị đơn chị H trình bày: Chị H thừa nhận còn nợ chị L số tiền vay và hụi là 141.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị H xác định đây là tiền nợ riêng của chị, chị vay tiền và hốt hụi để làm ăn riêng là đầu giá thu hoa chi chợ TB nhưng bị lỗ nên chị đã sang lại cho người khác, việc chị vay tiền và chơi hụi của chị L và làm ăn

riêng như thế nào thì chồng chị là anh N không biết, vợ chồng chị đều có công việc riêng, thu nhập của ai thì người đó sử dụng riêng chỉ có thu nhập từ tiệm thuốc thì được sử dụng cho chi tiêu chung trong gia đình. Chị H đồng ý trả số tiền vay và hui tổng cộng 141.000.000 đồng theo yêu cầu của chị L, chị không yêu cầu anh N cùng liên đới trả số tiền trên với chị.

Bị đơn anh N trình bày: Việc vay tiền và chơi hui giữa vợ anh với chị L thì anh hoàn toàn không biết, vợ anh sử dụng số tiền trên làm gì anh cũng không biết, anh và vợ anh đều có công việc riêng và thu nhập của ai thì người đó sử dụng. Do đó, anh N không đồng ý liên đới với chị H trả số tiền vay và hui tổng cộng 141.000.000 đồng theo yêu cầu của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Việc vay và chơi của chị H với chị L được xác định trong thời kỳ hôn nhân, trước khi chị H vay và chơi hui anh N là chồng của chị H đã có quen biết trước do ở lối xóm và có cho anh N vay tiền nên khi chị H về sống chung với anh N chị L mới quen biết với chị H và từ đó chị L mới cho chị H vay tiền và trong danh sách hui ghi “H (cậu N) hoặc (Vợ cậu N)”. Ngoài ra, ngày 29/11/2017 chị H ghi tờ giấy có nội dung hót hui của cô L đem về vợ chồng cùng làm ăn. Với những tình tiết nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, buộc chị H và anh N liên đới trả cho chị L 141.000.000 đồng, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện HN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc chị L yêu cầu anh N và chị H liên đới trả số tiền vay và hui tổng cộng 141.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về số tiền vay: Chị H vay tiền của chị L 3 lần cụ thể: lần thứ nhất ngày 26/4/2016 vay 40.000.000 đồng; lần thứ hai ngày 03/6/2016 vay 40.000.000 đồng; lần thứ ba ngày 05/12/2016 vay 50.000.000 đồng.

- Về số tiền hui: Chị H tham gia 4 dây hui do chị L làm chủ hui gồm:

+ Dây hui nửa tháng 1.000.000 đồng chị H hót hui ngày 06/7/2017 (âl) được số tiền 22.480.000 đồng; tính đến tháng 10/2017 (âl) chị H nợ hui chết 1.000.000 đồng.

+ Dây hụi tháng 1.000.000 đồng chị H hốt hụi ngày 10/8/2017 (âl) được số tiền 15.910.000 đồng; tính đến tháng 10/2017 (âl) chị H nợ hụi chết 1.000.000 đồng.

+ Dây hụi tháng 5.000.000 đồng chị H hốt hụi ngày 09/02/2017 (âl) được số tiền 79.500.000 đồng; tính đến tháng 10/2017 (âl) chị H nợ hụi chết 5.000.000 đồng.

+ Dây hụi nửa tháng 2.000.000 đồng chị H tham gia 02 phần và hốt hụi ngày 15/6/2016 (âl) được số tiền 33.000.000 đồng; tính đến tháng 10/2017 (âl) chị H nợ hụi chết 4.000.000 đồng.

Tổng cộng 130.000.000 đồng tiền vay và 11.000.000 đồng tiền hụi chết.

Như vậy chị H vay tiền 3 lần và chơi 4 dây hụi với chị L từ khoảng tháng 4 năm 2016 đến khoảng tháng 8 năm 2017, trong thời gian này chị H và anh N vẫn chung sống trong thời kỳ hôn nhân, do đó việc anh N cho rằng không biết chị H vay tiền và chơi hụi với chị L là không có căn cứ bởi các lẽ:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là bạn bè thân thích của nhau, điều này còn phù hợp lời khai ngày 30/3/2018 của anh T là người làm chứng cho chị L (BL số 119); trước khi chị H vay và chơi hụi với chị L, anh N đã có vay tiền với chị L thể hiện tại biên nhận tiền ngày 12/5/2014 (BL số 99). Tuy nhiên, anh N khai là nhận tiền đặt cọc tiền đất dùm cho cha ruột là ông Đ với vợ chồng chị L theo tờ sang nhượng đất thổ cư ngày 28/01/2014 với giá 45 chỉ 24k, nhận trước 25 chỉ để chứng minh (cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm) nhưng Hội đồng xét xử xét thấy không phù hợp vì số 25 chỉ vàng 24k không tương đương 10.000.000 đồng tại thời điểm quy đổi; tại 04 danh sách hụi do chị L ghi tên “H (cậu N)” hoặc “H (Vợ cậu N)” điều này còn phù hợp tờ giấy thống kê 04 dây hụi ngày 29/11/ 2017 do chị H ghi có nội dung “tôi đã hốt hết số hụi chơi của cô L đem về vợ chồng cùng làm ăn”.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm anh N có cung cấp hợp đồng cho vay nông nghiệp đứng tên người vay là chị H và anh N vay 150.000.000 đồng vào ngày 02/10/2014 đến ngày 07/10/2016 còn dư nợ 150.000.000 đồng, điều này còn chứng minh chị H và anh N không thể nói số tiền 141.000.000 đồng là nợ riêng của chị H.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xác định số tiền 141.000.000 đồng là nợ chung của chị H với anh N nên anh, chị có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L mới phù hợp. Do đó, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần buộc nghĩa vụ liên đới.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số

09/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Do sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm nên chị L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L.
2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp về phần buộc nghĩa vụ liên đới.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L
4. Buộc chị H và anh N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền vốn vay 130.000.000 đồng và hụi chết tính đến tháng 10 năm 2017 âm lịch là 11.000.000 đồng, tổng cộng 141.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn).
5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.
6. Án phí dân sự sơ thẩm
 - 6.1 Chị H và anh N liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.050.000 đồng (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).
 - 6.2 Chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị 3.525.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14543 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.
7. Án phí dân sự phúc thẩm

Chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14674 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

8. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện HN;
- Chi cục THADS huyện HN;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Nước